

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÁNH LINH,
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **89** /2024/HNGĐ-ST
Ngày: 10 – 9 – 2024
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con, cấp dưỡng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Đình Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Đinh Xuân Thủy;
- Bà Đinh Thị Nguyệt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Bá Thành – Thư ký TAND huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Vân Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 267/2024/TLST-HNGĐ, ngày 28 tháng 6 năm 2024, về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, cấp dưỡng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 20 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Bích N, sinh năm: 1998, nơi thường trú: Xóm X, thôn Y, xã M.T, huyện T.L, tỉnh B.T.

Chỗ ở hiện nay: Xóm A, thôn B, xã N.Đ, huyện T.L, tỉnh B.T.

- Bị đơn: Ông Lê Văn B, sinh năm: 1993, nơi cư trú: Xóm X, thôn Y, xã M.T, huyện T.L, tỉnh B.T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/6/2024, và trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Phạm Thị Bích N trình bày:

Bà N và ông Lê Văn B tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau vào năm 2016, được UBND xã Đức Tân (nay là xã Măng Tố) cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 20 ngày 22/3/2016. Bà N và ông B có một con chung là cháu Lê Quốc B, sinh ngày: 18/12/2020. Sau khi kết hôn, bà N và ông B sống với nhau tại nhà riêng tại xóm 4, thôn 7, xã Măng Tố, huyện Tánh Linh. Từ năm 2023, bà N và ông B bắt đầu phát sinh mâu thuẫn về tài chính, do ông B thường xuyên đánh bạc, gây nợ nhiều nơi, ông B có hành vi bạo lực gia đình đánh đập bà N, bà N đã đưa con về nhà cha, mẹ ruột, sau khi hai bên gia đình hòa giải thì bà N cũng chấp nhận quay lại nhà riêng, tuy nhiên cuộc sống chung đã không còn như trước đây. Từ đầu năm 2024, mặc dù đang sống chung nhà nhưng ông B và người thân của ông B nói bà N sử dụng tiền không tiết kiệm, điều này làm tổn thương lòng tự trọng bà N, nên đến tháng 6/2024, bà N đã đưa cháu về sinh sống tại nhà cha, mẹ bà N tại xã Nghi Đức. Chính vì vậy, bà N khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Ly hôn với ông Lê Văn B;
- Về con chung: Giao cháu Lê Quốc B, sinh ngày: 18/12/2020, cho bà Phạm Thị Bích N trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu ông Lê Văn B cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản: Không yêu cầu giải quyết.

Từ khi sinh ra, cháu Bảo luôn được bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, trong khi ông B ít quan tâm, chăm sóc, nên việc giao cháu Bảo cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng là đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của con. Hiện nay, bà N đang mang thai, nhưng thai ổn định, đủ khả năng chăm sóc, giáo dục con chung. Tại phiên tòa, bà N bổ sung yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông B phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 02 triệu đồng cho đến khi con thành niên và đủ khả năng lao động.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn là ông Lê Văn B trình bày:

Lời trình bày của bà Phạm Thị Bích N về quá trình kết hôn, sống chung, có con chung và phát sinh mâu thuẫn trước đây là đúng, tuy nhiên, sau khi hòa giải, cuộc sống không phát sinh mâu thuẫn gì mới, trong khi đó bà N hiện nay đang mang

thai, nên ông B không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà N. Trong thời gian qua, do cháu Bảo đang còn nhỏ nên bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, tuy nhiên, điều kiện kinh tế của bà N và gia đình bà N không đảm bảo để chăm lo cho cháu, do vậy, ông B mong muốn được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bảo. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn và giao cháu Bảo cho bà N nuôi dưỡng thì ông B vẫn chấp hành, và đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 02 triệu đồng cho đến khi con thành niên và đủ khả năng lao động.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành thụ lý, tổng đạt các văn bản tố tụng, tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đưa vụ án ra xét xử, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng khác, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, có đủ cơ sở để xác tình trạng hôn nhân của bà Phạm Thị Bích N và ông Lê Văn B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, đủ căn cứ để ly hôn, trên cơ sở đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung, cần thiết phải giao cháu Lê Quốc B cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, ông B có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con. Chính vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N, đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Phạm Thị Bích N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Lê Văn B, giao cháu Lê Quốc B, sinh ngày: 18/12/2020, cho bà N trực tiếp nuôi con, ông B phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 02 triệu đồng cho đến khi con thành niên và có khả năng lao động, không yêu cầu giải quyết về tài sản, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, cấp dưỡng” theo quy định tại khoản 1, khoản 5 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Lê Văn B có nơi cư trú tại thôn 7, xã Măng Tô, huyện Tánh Linh nên thẩm quyền giải quyết vụ án là của Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a

khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

[2] Tại phiên tòa, bà Phạm Thị Bích N bổ sung yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông B phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 02 triệu đồng cho đến khi con thành niên và đủ khả năng lao động, nhận thấy yêu cầu cấp dưỡng cho con là nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con, và không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên được chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Cả ông Lê Văn B và bà Phạm Thị Bích N đều thừa nhận đời sống hôn nhân phát sinh mâu thuẫn, có cãi vã, thậm chí ông B còn có hành vi bạo lực gia đình đánh bà N, hiện tại bà N đã đưa cháu Bảo về nhà cha, mẹ ruột tại xã Nghi Đức, huyện Tánh Linh để sinh sống, hai vợ, chồng không còn sống chung với nhau. Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*” (Khoản 1 Điều 19); “*Vợ, chồng có nghĩa vụ tôn trọng, giữ gìn và bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín cho nhau*” (Điều 21). Trên cơ sở trình bày của đương sự quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình, đủ cơ sở để xác định hôn nhân của bà N và ông B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Bích N, về việc ly hôn với ông Lê Văn B là có căn cứ và cần được chấp nhận.

[4] Con chung của bà N và ông B là cháu Lê Quốc B, sinh ngày: 18/12/2020, hiện đang do bà N trực tiếp nuôi dưỡng, cả bà N và ông B đều không chứng minh được thu nhập của bản thân cũng như không chứng minh được điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục của người còn lại là không đảm bảo, tại Biên bản hòa giải lập ngày 09/8/2024, và tại phiên tòa, ông B thừa nhận: “*Trong thời gian qua, cháu đang còn nhỏ nên bà N trực tiếp nuôi dưỡng trong thời gian qua là đúng*”. Do vậy, nhằm hạn chế sự xáo trộn môi trường sống, giáo dục của con, Hội đồng xét xử xác định yêu cầu giao cháu Bảo cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 6 Nghị quyết 01/2024/NQ-HNGĐ, ngày 16/5/2024, của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[5] Bà N yêu cầu ông B phải cấp dưỡng nuôi con 02 triệu đồng mỗi tháng cho đến khi con thành niên và đủ khả năng lao động, ông B xác định trong trường

hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu về ly hôn và giao cháu Bảo cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng thì ông B cũng đồng ý với mức cấp dưỡng này. Do vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu cấp dưỡng, mức cấp dưỡng, phương thức cấp dưỡng của bà N là phù hợp và được chấp nhận.

[6] Bà Phạm Thị Bích N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đối với tranh chấp về ly hôn, ông Lê Văn B phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đối với tranh chấp về cấp dưỡng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 235, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự,
- Điều 19, Điều 21, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Điều 4, Điều 6, Điều 7 Nghị quyết 01/2024/NQ-HNGĐ, ngày 16/5/2024, của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.
- Khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Bích N:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Bích N ly hôn với ông Lê Văn B.
- Về con chung: Giao cháu Lê Quốc B, sinh ngày: 18/12/2020, cho bà Phạm Thị Bích N trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Lê Văn B có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 02 triệu đồng cho đến khi con thành niên và đủ khả năng lao động.

Ông Lê Văn B có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung

mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (*đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án*) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (*đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án*) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

+ Bà Phạm Thị Bích N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận theo Biên lai thu số 0006041, ngày 28/6/2024.

+ Ông Lê Văn B phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Tánh Linh;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu: HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ/
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Đình Phú